

# ĐÔI ĐIỀU VỀ DỰ BÁO KINH TẾ – XÃ HỘI Ở NƯỚC TA <sup>(1)</sup>

TS. Nguyễn Quán <sup>(\*)</sup>

## I. Dự báo kinh tế-xã hội là gì?

Dự báo (Forecasting), một thuật ngữ thực ra không có gì là quá xa lạ với các nhà quản lý, điều hành ở các cấp độ khác nhau (từ trung ương đến địa phương, doanh nghiệp), các nhà nghiên cứu, và sinh viên không chỉ ở các trường kinh tế, mà cả các trường khác. Tuy nhiên, cũng nên trao đổi thêm để hy vọng có thể hiểu đúng hơn về dự báo.

Theo David W.Pearce, trong cuốn “Tư điển kinh tế học hiện đại”: Dự báo là “một phương pháp có hệ thống nhằm có được ước lượng về giá trị tương lai của một biến, thường dựa trên việc phân tích các quan sát và biến động quá khứ của nó”<sup>(2)</sup>; hoặc trong cuốn Tư điển Kinh tế (tài chính, ngân hàng): “Một quá trình thực hiện việc tiên đoán về điều kiện kinh tế tổng quát trong tương lai và điều kiện thị trường, như là cơ sở để đưa ra các quyết định của Chính phủ và các doanh nghiệp”<sup>(3)</sup>...

Dù định nghĩa có những khác biệt nào đó, nhưng đều thống nhất về cơ bản là dự báo bàn về tương lai, nói về tương lai (định tính hoặc định lượng). Có thể nói, dự báo trước hết là một thuộc tính không thể thiếu của tư duy của con người, là một yếu tố vốn có của hoạt động sống của con người, con người luôn luôn nghĩ đến ngày mai, hướng về tương lai. Thuở xa xưa, thậm chí không ít những trường hợp vẫn xuất hiện trong thời đại ngày nay - thời đại của công nghệ thông tin, thời đại mà không ít nước đang chuyển sang nền kinh tế trí thức, vẫn còn những dự báo hoang đường, những lời bói toán không căn cứ,... Nhưng, những ước đoán đã đi từ thần bí, kinh nghiệm trở thành khoa học, và

nó càng phát triển hơn không chỉ do yêu cầu của con người, của xã hội, mà còn do sự phát triển của các học thuyết về quản lý, về điều khiển học, về lý thuyết thông tin, lý thuyết hệ thống,... và đặc biệt của công nghệ thông tin cùng các ứng dụng nó đã làm cho công tác dự báo ngày càng phát triển, kết quả dự báo có chất lượng hơn, kịp thời hơn, đáp ứng nhiều hơn yêu cầu của con người.

Trong một xã hội của thời đại ngày nay - thời đại của công nghệ thông tin, của toàn cầu hóa, dự báo bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau.

Xét về thời gian của dự báo, có thể chia thành dự báo ngắn hạn, dự báo trung hạn, và dự báo dài hạn. Với cùng một đối tượng của dự báo, nhưng do yêu cầu của người sử dụng kết quả dự báo, như: của nhà quản lý và điều hành, của các nhà xây dựng chính sách, xây dựng kế hoạch, trong phạm vi khác nhau (khu vực, quốc gia, địa phương, ngành, tập đoàn, tổng công ty,...) mà có thể có những dự báo với thời gian khác nhau.

Để có thể làm tốt công tác dự báo, đòi hỏi trong quá trình dự báo phải thực hiện các nguyên tắc sau:

- Liên hệ biện chứng: vì mỗi đối tượng cần dự báo đều có mối liên hệ với nhiều hiện tượng khác, có những mối liên hệ bản chất và không bản chất, trực tiếp và gián tiếp, trước mắt và lâu dài, tất nhiên và ngẫu nhiên, nguyên nhân và kết quả,... Thí dụ, dự báo về CPI là quan hệ “cầu” của từng nhóm hàng hóa và tiêu dùng cùng sự biến động về thu nhập (tăng lương, được mùa,...) và cả tính “thời vụ”, của “cung” gồm cả sản xuất, nhập xuất khẩu (không chỉ về lượng mà còn

[<sup>1</sup>] Chuyên gia Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - xã hội Quốc gia

về giá không chỉ trong nước mà cả nước ngoài), nguồn hàng hóa đã có, và cả những chính sách cũng như điều hành có liên quan (thí dụ, tăng/giảm thuế xuất, nhập khẩu, lãi suất ngân hàng,...).

- Tính kế thừa lịch sử: nói có vẻ to tát như thế, thực chất là phải “ôn cố” có càng nhiều và đúng các thông tin của đối tượng đã xảy ra trong quá khứ và hiện tại là một cơ sở rất quan trọng để dự báo cho tương lai. Thí dụ, cũng lại về dự báo CPI, chính do có theo dõi thường xuyên nên chúng ta có thể thấy rất rõ tính “thời vụ” trong từng nhóm hàng hóa và dịch vụ không chỉ ở mức định tính mà còn định lượng.

- Tính đặc thù về bản chất của đối tượng dự báo, vì mỗi đối tượng của dự báo có những tính quy luật của sự phát triển, có những giới hạn của sự phát triển của nó. Chính nguyên tắc này đòi hỏi chú ý khi chọn mô hình dự báo, đặc biệt với các mô hình ngoại suy hình thức nếu không sẽ dẫn đến những kết quả dự báo sai lầm, thậm chí là “ngờ ngạc nhiên”.

- Nguyên tắc mô tả tối ưu đối tượng dự báo: nguyên tắc này đòi hỏi phải phân tích đối tượng dự báo một cách đầy đủ, mức độ chính xác cao về sự biến động của đối tượng dự báo trước đây và hiện nay, cùng các yếu tố liên quan đến đối tượng dự báo, chưa kể phải tham khảo các đối tượng dự báo tương tự;...

Ngoài ra, có một số điểm không thuộc về nguyên tắc dự báo, nhưng cần quan tâm để nâng cao chất lượng dự báo và khi sử dụng các thông tin do dự báo đưa ra:

+ Phải chú ý tới sự khác biệt giữa dự báo và kế hoạch (chức năng của bản thân kế hoạch hóa là ra quyết định, bảo đảm mọi điều kiện cho việc thực hiện các quyết định và các tác động (trực tiếp và gián tiếp) đến tiến độ thực hiện kế hoạch; Chức năng của dự báo trước kế hoạch - mang hình thức tiền kế hoạch là dự báo những phương hướng có thể có và tác động của nó trong tương lai..., và sau khi kế hoạch đã được phê chuẩn là

giai đoạn thực hiện kế hoạch, thì dự báo lại là xác định những khả năng và hậu quả của sự tác động tích cực của xã hội đến tiến trình độ phát triển nền KTQD. Dự báo mang tính xác suất, đa phương án, định hướng tham khảo, thì kế hoạch mang tính xác định, đơn trị, một phương án, pháp lệnh).

+ Phải chú ý tới thực tế của nền kinh tế nước ta đang chuyển sang nền kinh tế thị trường với những yếu tố của nền kinh tế thị trường chưa phát triển đầy đủ, các chính sách chưa thật ổn định, và những biến động của thế giới “Vượt” tầm dự báo của cả thế giới (thí dụ, từ đầu năm 2008 giá dầu thô liên tục tăng, và đến 7/2008 đã lên trên 147 USD/thùng, lúc đó mọi người chỉ còn chờ ngày giá dầu thô vượt qua con số 150 USD/thùng, thậm chí còn có dự báo đến cuối năm sẽ vượt qua con số 170 USD/thùng; nhưng từ tháng 8 đến nay giá dầu giảm liên tục đến mức dưới 60 USD/thùng vào cuối tháng 10/2008; hoặc đến tháng 7/2008 mặc dù có một vài nhà nghiên cứu nước ngoài có dự báo về khủng hoảng tài chính ở nước Mỹ, nhưng cũng không ai ngờ ngay tháng 9/2008 khủng hoảng tài chính đã xảy ra ở nước Mỹ và lan nhanh chóng ra khắp các châu lục;... Chính vì vậy, với các đối tượng dự báo thường không nên xây dựng một phương án mà nên 2-3 phương án, vì quá nhiều phương án thì còn gì là dự báo và người sử dụng biết dựa vào dự báo nào (?).

**II. Thực trạng công tác dự báo kinh tế - xã hội ở nước ta**

Với nước ta, ngay trong những năm tháng cả nước hướng tới nhiệm vụ thống nhất đất nước, Chính phủ đã có Nghị định 172-CP, ngày 1/11/1973, ghi rõ trong điều 2: “Hội đồng Chính phủ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các dự đoán phát triển nền kinh tế quốc dân, phát triển văn hóa và các mặt của đời sống xã hội...” và cũng trong Nghị định này, ghi rõ nhiệm vụ của các ngành đối với công tác này.

Công tác dự báo (trước đây thường được dùng bằng thuật ngữ: “dự đoán”) kinh

tế đã được Nhà nước giao cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước “nghiên cứu làm dự đoán kinh tế” (tại Nghị định 49-CP của Hội đồng Chính phủ, ngày 25 tháng 3 năm 1974, Điều 2). Căn cứ vào Nghị định này, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đã có Quyết định 36-UB/KHNN ngày 15/4/1975 đã ghi rõ nhiệm vụ về dự đoán cho Vụ Tổng hợp Kế hoạch KTQD dài hạn: “Dự thảo các văn kiện về dự đoán kinh tế,...” “Xây dựng chương trình và tiến độ công tác về tổ chức nghiên cứu dự đoán kinh tế...” và “Tham gia với Viện Nghiên cứu Kế hoạch hóa nghiên cứu các chế độ, phương pháp làm công tác dự đoán kinh tế và kế hoạch 5 năm”. Thuật ngữ “dự báo” chính thức được sử dụng tại Nghị định số 86/CP của Chính phủ ngày 12/8/1994 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của UBKHNN “Tổ chức nghiên cứu dự báo, thu thập, xử lý các thông tin về phát triển kinh tế-xã hội trong nước và nước ngoài để phục vụ cho việc xây dựng và điều hành kế hoạch”. Tiếp theo, tại Nghị định số 75/CP của Chính phủ ngày 1/11/1995 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng nhắc lại nhiệm vụ: “Tổ chức nghiên cứu dự báo, thu thập, xử lý các thông tin về phát triển kinh tế-xã hội trong nước và nước ngoài để phục vụ cho việc xây dựng và điều hành kế hoạch”. Tháng 10/2004, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định thành lập Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - xã hội Quốc gia (tương đương tổng cục loại I) nằm trong Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong các giáo trình

của các trường kinh tế đều có giáo trình về Phân tích và dự báo, đã có các tạp chí thuộc trung ương có một chức năng đăng tải các thông tin về phương pháp dự báo, kết quả dự báo,...

Đối tượng dự báo rất rộng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, nên cần có phân công giữa các cơ quan, tổ chức dự báo khác nhau, thí dụ: Bộ Kế hoạch và Đầu tư là dự báo liên quan đến các chỉ tiêu vĩ mô, cân đối lớn của toàn bộ nền kinh tế, các ngành dự báo liên quan đến ngành, lĩnh vực như: thu - chi ngân sách thuộc Bộ Tài chính, lương thực - thực phẩm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năng lượng thuộc Bộ Công thương, về giao thông vận tải (nhà ga, sân bay,...) thuộc Bộ Giao thông Vận tải, và các lĩnh vực, phạm vi của các đối tượng dự báo khác có thể do các tập đoàn, tổng công ty,... và những dự báo có tính phản biện độc lập của các nhóm nghiên cứu,... Thí dụ, nhóm nghiên cứu thuộc Vụ Tổng hợp KTQD (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã dự báo một loạt các chỉ tiêu vĩ mô (tăng trưởng GDP, tổng vốn đầu tư xã hội, Tổng thu/ chi ngân sách, xuất/nhập khẩu, CPI đã áp dụng mô hình VQEM-2003 (Vietnam Quartely Econometric Model – 2003) có 47 phương trình, được xây dựng với chuỗi số liệu 1990-2001, một số chuỗi ước cho năm 2002, và được dùng để dự báo cho giai đoạn 2003-2005, kết quả dự báo tương đối tốt, sát với thực tế xảy ra hơn là chỉ tiêu kế hoạch <sup>(4)</sup>. Dưới đây là số liệu 2003-2004:

	2003			2004		
	Kế hoạch	Dự báo	Thực tế	Kế hoạch	Dự báo	Thực tế
Tốc độ tăng GDP (%)	7-7,5	7,55	7,34	7,5-8	7,90	7,79
Vốn đầu tư XH (ngh. tỷ đồng)	215	217,6	239,2	249-255	258	290,9
Thu NS (ngh. tỷ đồng)	123,7	132	152,3	148,3	149	190,9
Chi NS (ngh. tỷ đồng)	158	161	181,1	186,7	184	214,2
Xuất khẩu (tỷ USD)	17,3	19,3	20,1	21,7	22,0	26,5
Nhập khẩu (tỷ USD)	19,3	22,9	25,2	26,0	25,1	32,0
CPI (%)	5	4,0	3,0	4-5	4,6	9,5

Trong thực tế, chúng ta đã và đang làm được một số dự báo ban đầu, tuy cũng còn những hạn chế về chất lượng dự báo (có những dự báo thiếu chính xác, chưa kịp thời, không giúp cho công tác điều hành và quản lý,...).

### **III. Làm thế nào để đẩy mạnh công tác Dự báo**

Để đẩy mạnh công tác dự báo cần:

1. Trước hết ngành Thống kê – ngành có trách nhiệm cung cấp khối lượng lớn, chính xác các số liệu để phục vụ công tác dự báo cố gắng tới mức cao nhất thực hiện “Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia” (về chỉ tiêu, về phân tổ, về thời gian cung cấp,...) theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 305/2005/QĐ-TTg ngày 24/11/2005, ngoài ra, dự báo còn cần nhiều số liệu, thông tin khác thuộc các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, ... cần có cơ chế để những người làm công tác dự báo có điều kiện tiếp cận (tất nhiên người làm công tác dự báo phải bảo đảm giữ bí mật của các số liệu này), và rất cần những cuộc điều tra với quy mô và phương pháp thích hợp để có các số liệu và thông tin mà các nguồn trên thiếu.

Một thí dụ, như mô hình kinh tế lượng VQEM-2003 đã trình bày ở trên, sở dĩ có kết quả dự báo tương đối sát so với thực tế so với mô hình VQEM gốc<sup>(3)</sup>, chính là “do hệ thống số liệu phong phú hơn nên mô hình này đã xây dựng thêm các khối các phương trình... mới so với mô hình VQEM gốc”.

2. Xây dựng một đội ngũ cán bộ được đào tạo và thường xuyên được nâng cao “tay nghề” để làm công tác phân tích và dự báo (tôi muốn nhấn mạnh khâu Phân tích đối tượng dự báo để xác định phương pháp dự báo, tìm kiếm thông tin,...), và có tâm

huyết với công tác dự báo, ngoài ra cần có đầu tư những điều kiện về các công cụ để phân tích và dự báo, để mua các phần mềm liên quan đến các mô hình dự báo, và mua các thông tin cần thiết khác trong và ngoài nước liên quan đến đối tượng dự báo.

3. Quyết định đúng các phương pháp dự báo thích hợp với từng đối tượng

Dự báo, với các nguồn thông tin đã có và sẽ có, đặc biệt là kết hợp với phương pháp chuyên gia. Thực ra, các mô hình sử dụng trong phân tích và dự báo kinh tế trên thế giới không thiếu, nhưng nhiều mô hình các nhà dự báo Việt Nam chưa có điều kiện tiếp cận, đặc biệt sử dụng nó phù hợp với các đối tượng dự báo và điều kiện thông tin của Việt Nam.

4. Đã có nhiều cơ quan, tổ chức làm công tác dự báo, nhưng thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức này. Do vậy, ngoài việc mở rộng các cơ quan, tổ chức, các trường đại học, ... làm công tác dự báo mà cần có sự hợp tác giữa các cơ quan, tổ chức làm công tác dự báo, nhất là các đối tượng dự báo có phạm vi rộng, liên ngành. Thí dụ, dự báo về nhu cầu và sản xuất lương thực ở nước ta, có thể do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, nhưng rất cần các thông tin, thậm chí là dự báo về sản xuất phân bón, về nhu cầu lương thực trong nước và nước ngoài mà các số liệu và thông tin này có thể do Bộ Công thương thực hiện, hay các dự báo về khí tượng, thủy văn do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện. Sự phối hợp này trong quá trình dự báo, cần có những sự giúp đỡ lẫn nhau để nâng cao “tay nghề” dự báo. Đây là một công việc cụ thể, nhưng chưa làm được tốt, đôi khi còn có kiểu “anh hùng nhất khoảnh” trong công tác này. Với

các dự báo về các chỉ tiêu vĩ mô của toàn nền kinh tế quốc dân không thể có nơi nào khác là Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - xã hội Quốc gia có trách nhiệm chính và muốn làm được, Trung tâm này phải tự nâng cao năng lực dự báo của mình với sự hợp tác với các tổ chức khác ngay trong Bộ (Tổng cục Thống kê, Viện Quản lý KTTW, Viện Chiến lược,...) và các cơ quan, tổ chức khác (kể cả nước ngoài<sup>(5)</sup>).

5. Công tác dự báo chỉ có thể phát triển, khi có nhiều cơ quan sử dụng kết quả dự báo, và chính các cơ quan này sẽ có những nhận xét về kết quả dự báo cũng như những ý kiến phản hồi sẽ giúp các cơ quan, tổ chức thực hiện công tác dự báo hoàn thiện hơn công tác này■

(1) Trong bài này, sử dụng nhiều thông tin của Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - xã hội Quốc gia - NCEIF; Lịch sử 60 năm ngành Kế

hoạch Việt Nam; Giáo trình Kinh tế phát triển (Đại học KTQD, Hà Nội).

(2) David W.Pearce, Từ điển kinh tế học hiện đại, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia và Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 1999.

(3) Lê Văn Tế, Từ điển Kinh tế (tài chính - ngân hàng), in lần thứ hai có bổ sung, Nhà Xuất bản Thống kê, 1999.

(4) Lê Việt Đức, Dự báo bằng mô hình kinh tế lượng..., Tạp chí Thông tin và Dự báo Kinh tế - xã hội, tháng 3/2008.

(5) Giáo sư Sang Woo Nam (Viện Phát triển Hàn Quốc-KDI) ngay từ tháng 2/2008 đã đưa ra một số kịch bản về tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2008, trong đó có kịch bản tăng trưởng 6,97% tại NCEIF (lưu ý, theo Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12/2007 vẫn nêu mục tiêu năm 2008, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 9%).